

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7735 : 2007

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ – TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT XI MĂNG

Air quality – Emission standards for cement manufacturing

Lời nói đầu

TCVN 7735 : 2007 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 146 “Chất lượng không khí” biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ – TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT XI MĂNG

Air quality – Emission standards for cement manufacturing

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho nhà máy sản xuất xi măng và quy định nồng độ tối đa cho phép của các thông số nitơ oxit (NO_x), lưu huỳnh đioxit (SO_2), cacbon monoxit (CO) và bụi trong khí thải của nhà máy sản xuất xi măng khi thải ra môi trường.

2. Tiêu chuẩn viện dẫn

Các tiêu chuẩn viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tiêu chuẩn viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tiêu chuẩn viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất (bao gồm cả sửa đổi).

TCVN 5939 : 2005 Chất lượng không khí – Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TCVN 5977 : 1995 (ISO 9096 : 1992) Sự phát thải của nguồn tĩnh – Xác định nồng độ và lưu lượng bụi trong các ống dẫn khí – Phương pháp khối lượng thủ công.

TCVN 6750 : 2000 (ISO 11632: 1998) Sự phát thải của nguồn tĩnh – Xác định nồng độ khối lượng lưu huỳnh đioxit – Phương pháp sắc ký khí ion.

TCVN 7172 : 2002 (ISO 11564 : 1998) Sự phát thải của nguồn tĩnh – Xác định nồng độ khối lượng nitơ oxit – Phương pháp trắc quang dùng naphthylethylenediamin.

TCVN 7242 : 2003 Lò đốt chất thải rắn y tế - Phương pháp xác định nồng độ cacbon monoxit (CO) trong khí thải.

3. Thuật ngữ và giải thích

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ sau và được hiểu là:

3.1

Nhà máy sản xuất xi măng (Cement plant)

Nhà máy sản xuất xi măng sử dụng công nghệ lò đứng và lò quay để sản xuất xi măng và clinker.

3.2

Bụi (Particulate matter)

Các hạt rắn với mọi hình dáng, cấu trúc hoặc khối lượng riêng bất kỳ, phân tán trong pha khí liên tục.

[theo TCVN 5977: 1995]

4. Giá trị giới hạn

4.1 Giá trị giới hạn, nồng độ tối đa cho phép của các thành phần ô nhiễm nitơ oxit (NO_x), lưu huỳnh đioxit (SO_2), cacbon monoxit (CO) và bụi trong khí thải nhà máy sản xuất xi măng được quy định trong bảng 1. Các giá trị nồng độ này tính ở điều kiện tiêu chuẩn. Giá trị giới hạn quy định ở cột A áp dụng cho các nhà máy sản xuất xi măng đang hoạt động. Giá trị giới hạn ở cột B áp dụng cho các nhà máy sản xuất xi măng xây dựng mới.

4.2 Giá trị giới hạn quy định ở cột B cũng áp dụng để đánh giá và phê duyệt về môi trường đối với hoạt động cải tạo, mở rộng các nhà máy sản xuất xi măng đang hoạt động.

4.3 Các thành phần khác trong khí thải của nhà máy sản xuất xi măng áp dụng theo TCVN 5939 : 2005.

4.4 Phương pháp lấy mẫu, phân tích, xác định từng thông số cụ thể được quy định trong bảng 1 của tiêu chuẩn này.

Bảng 1 – Giới hạn tối đa cho phép của NO_x, SO₂, CO và bụi trong khí thải của nhà máy sản xuất xi măng

Đơn vị: miligam trên mét khối khí thải chuẩn * (mg/Nm³)

Đơn vị: miligam trên một khối khí thải chuẩn (mg/Nm³)

Thông số	Giá trị giới hạn				Phương pháp xác định
	Khí thải từ lò nung		Khí thải từ xưởng nghiền nguyên liệu và nghiền xi măng		
	A	B	A	B	
1. Bụi (tổng)	150	100	200	100	TCVN 5977 : 1995 (ISO 9096 : 1992)
2. Cacbon monoxit (CO)	500	500	-	-	TCVN 7242 : 2003)
3. Nitơ oxit (NO _x) (tính theo NO ₂)	1000	850	-	-	TCVN 7172 : 2002 (ISO 11564 : 1998)
4. Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	500	200	-	-	TCVN 6750 : 2000 (ISO 11632 : 1998)
CHÚ THÍCH:					
Đối với các lò nung xi măng có kết hợp đốt chất thải nguy hại thì đồng thời phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải lò đốt chất thải nguy hại.					
*) Mét khối khí thải chuẩn nói trong tiêu chuẩn này là một mét khối khí thải ở nhiệt độ 0 °C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân.					